

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 001016834.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Nhơn Nghĩa A**  
**Ấp: Nhơn Phú 1 , xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.59                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.26                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.44                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYỀN TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 002016835.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Nhơn Nghĩa A**  
**Ấp: Nhơn Phú 1 , xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.39                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.14                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.53                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 003016836.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân - Nguyễn Văn Dũng**  
**Trạm Nhơn Nghĩa A**  
**Ấp: Nhơn Phú 1 , xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.41                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.38                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.47                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Haol*  
**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
*Huỳnh Tấn Cường*  
**HUỶNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone:** (+84) 28.7302.4687

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 004016837.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Thạnh Xuân**  
**Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.63                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 1.09                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.62                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Haol*  
**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

*Huỳnh Tấn Cường*  
**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone:** (+84) 28.7302.4687

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 005016838.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Thạnh Xuân**  
**Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.001                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.55                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 1.12                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.60                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*  
**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL**  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL**  
**HUYỆN TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 006016839.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân - Trần Thị Nhiên**  
**Trạm Thạnh Xuân**  
**Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.49                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 1.48                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.49                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Ly Ba Hao*

**LÝ BÁ HẢO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

*Huynh Tan Cuong*  
**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 007016840.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Vị Thanh 2**  
**Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.30                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.14                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 8.00                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Handwritten signature of Lý Bá Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 008016841.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Vị Thanh 2**  
**Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.27                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.23                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 8.05                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



  
**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 009016842.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân – Huỳnh Chí Tình**  
**Trạm Vị Thanh 2**  
**Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.26                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.24                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 8.04                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Ly Ba Hao*

**LÝ BÁ HẠO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



*Huynh Tan Cuong*

**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 010016843.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Hòa Tiến**  
**Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, huyện: TP.Vị Thanh**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.66                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.38                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.69                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Haol*  
**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
*Huỳnh Tân Cường*  
**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 011016844.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Hòa Tiến**  
**Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, huyện: TP.Vị Thanh**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.48                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.20                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.79                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ Hào**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

  
**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 012016845.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân – Phạm Thị Hiền**  
**Trạm Hòa Tiến**  
**Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, huyện: TP.Vị Thanh**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.34                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.19                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.07                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Handwritten signature of Lý Bá Hào*

**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

*Handwritten signature of Huỳnh Tân Cường*  
**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 013016846.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Vị Thủy**  
**Ấp: ấp 4 , xã: Vị Thủy, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.91                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.50                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.38                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HOÀNG TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 014016847.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Vị Thủy**  
**Ấp: ấp 4 , xã: Vị Thủy, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.32                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.40                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.36                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ HẢO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

  
  
**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 015016848.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân – Huỳnh Ngọc Diễm**  
**Trạm Vị Thủy**  
**Ấp: ấp 4 , xã: Vị Thủy, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.28                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.54                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.46                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Handwritten signature of Lý Bá Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 016016849.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Nhà máy nước Nàng Mau**  
**Áp: ấp 1, xã: TT. Nàng Mau, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.41                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.38                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.28                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*  
**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
*Huỳnh Tân Cường*  
**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 017016850.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Nhà máy nước Nàng Mau**  
**Áp: ấp 1, xã: TT. Nàng Mau, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                          | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                          | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                          | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.33                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                       | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.47                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                        | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                           | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.35                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                           | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BA HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



  
**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 018016851.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân – Dương Thị Hồng Lụa**  
**Nhà máy nước Nàng Mau**  
**Áp: ấp 1, xã: TT. Nàng Mau, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.27                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.30                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.36                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BA HẢO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

  
**HUYỀN TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 019016852.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Vị Thắng**  
**Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.51                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 8.19                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Haol*

**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone: (+84) 28.7302.4687**

**Website: <http://tsl-net.com.vn>**

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 020016853.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Vị Thắng**  
**Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.44                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.15                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 8.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
*Huỳnh Tấn Cường*  
**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 021016854.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân - Lê Văn Dũng**  
**Trạm Vị Thắng**  
**Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.38                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 8.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Handwritten signature of Lý Bá Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone:** (+84) 28.7302.4687

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 022016855.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Long Bình**  
**Ấp: Khu vực Bình Tân, xã: Phường Vĩnh Tường, huyện: TX. Long Mỹ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.49                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.25                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.56                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*  
**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

*Huỳnh Tấn Cường*  
**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 023016856.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Long Bình**  
**Áp: Khu vực Bình Tân, xã: Phường Vĩnh Tường, huyện: TX. Long Mỹ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.41                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.39                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.94                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ HẢO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

  
**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone:** (+84) 28.7302.4687

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 024016857.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân - Nguyễn Văn Kính**  
**Trạm Long Bình**  
**Ấp: Khu vực Bình Tân, xã: Phường Vĩnh Tường, huyện: TX. Long Mỹ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.45                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.53                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Handwritten signature of Lý Bá Hào*

**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 025016858.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Nhà máy nước Long Mỹ**  
**Áp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.73                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 1.15                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.30                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Ly Ba Hao*  
**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

*Huynh Tan Cuong*  
**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 026016859.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Nhà máy nước Long Mỹ**  
**Áp: ấp 3, xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.45                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.16                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.64                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ HẢO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 027016860.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân - Nguyễn Thành Công**  
**Nhà máy nước Long Mỹ**  
**Ấp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.38                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.18                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.38                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

  
**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 028016861.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Phụng Hiệp**  
**Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.45                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 1.89                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.89                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*[Signature]*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 029016862.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Phụng Hiệp**  
**Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.37                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 1.66                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.92                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ HÀO**

  
**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
  
**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 030016863.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hộ dân - Ngô Văn Tường**  
**Trạm Phụng Hiệp**  
**Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.31                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 1.68                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.94                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**LÝ BÁ HẢO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

  
**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 031016864.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân**  
**Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.33                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.29                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.90                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Handwritten signature of Lý Bá Hào*

**LÝ BÁ HÀO**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

*Handwritten signature of Huỳnh Tấn Cường*

**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 032016865.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân**  
**Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCDP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.29                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.15                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.90                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCDP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*

**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TÁN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 033016866.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân**  
**Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.001                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.27                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.24                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.98                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Hào*  
**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



*Huỳnh Tấn Cường*  
**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 034016867.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Đông Thạnh**  
**Ấp: Phước Thạnh, xã: Đông Thạnh, huyện: Châu Thành**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCĐP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.48                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.38                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.97                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Haol*  
**LÝ BÁ HÀO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

*Huỳnh Tấn Cường*  
**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone:** (+84) 28.7302.4687

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/03/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z263C1574

Mã KQ/ RP. No: 035016868.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 14/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Đồng Thạnh**  
**Ấp: Phước Thạnh, xã: Đồng Thạnh, huyện: Châu Thành**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCDP<br>01:2025/<br>HGg |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                     |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                     |
| 3           | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)                                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                                                                  | 0.01                    |
| 4           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.39                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                 |
| 5           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | 0.97                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                       |
| 6           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.5          | TCVN 6185:2015                                                                    | 15                      |
| 7           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ  |
| 8           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.67                             | -               | -            | TCVN 6492:2011                                                                    | 6.0 - 8.5               |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu các chỉ tiêu phù hợp theo QCDP 01:2025/HGg

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

*Ly Ba Hao*  
**LY BÁ HẢO**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
*Huynh Tan Cuong*  
**HUYNH TÁN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04